

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24-10-2023

“V/v ly hôn giữa anh A - chị V”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Gia Khải.

2. Bà Phạm Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn A, sinh năm 1985 (bị câm)

Địa chỉ: Tổ 1x, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện cho anh A: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962 - mẹ đẻ anh A

Địa chỉ: Tổ 1x, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị V, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt anh A, bà B; Chị V có đơn xin xử án vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai nguyên đơn là anh Lê Văn A và người đại diện cho anh A là bà Nguyễn Thị B trình bày: Anh A và chị V tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 31/12/2014, sau khi kết hôn cả hai đều sinh sống cùng gia đình bà B tại thị trấn A. Trong quá trình chung sống do anh A bị câm không nói được, vợ chồng giao tiếp qua cử chỉ đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 5/2015 chị V cho

rằng cuộc sống không có hạnh phúc lên đã tự ý trở về gia đình nhà bố mẹ đẻ tại xã A sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay, anh A cùng gia đình có đi tìm nhưng chị V không trở về đoàn tụ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh A đề nghị xin được ly hôn chị V.

-Về con chung: Anh A và bà B đều khai anh A và chị V không có con chung.

-Về tài sản chung: Anh A và bà B đều khai anh A và chị V không tài sản chung, không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản.

Đối với bị đơn là chị Vũ Thị V: Tại biên bản ghi lời khai chị V tại gia đình chị V ngày 25/9/2023 chị V trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị V xác nhận lời khai của anh A về thời gian và điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn. Do anh A bị câm không nói được vì vậy chị xác định vợ chồng không có hạnh phúc và không thể chung sống, nay anh A làm đơn khởi kiện ly hôn chị cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí xin được ly hôn anh A. Về con chung chị V khai chị và anh A không có con chung. Về tài sản chung chị V khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn A khởi kiện ly hôn với chị Vũ Thị V. Chị V là bị đơn, đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, bị đơn đã có đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt gửi Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Lê Văn A và chị Vũ Thị V được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 31/12/2014 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai đều sinh sống cùng gia đình anh A tại thị trấn A và lao động tự do, trong quá trình chung sống do bản thân anh A bị câm không nói được đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 5/2015 do xác định vợ chồng không thể chung sống, chị V đã trở về gia đình bố mẹ đẻ tại xã A sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay, anh A và gia đình có đi tìm nhưng chị V không trở về đoàn tụ. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh A làm đơn khởi kiện ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng chị V vắng mặt tại Tòa án, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của chị V tại gia đình, chị V xác nhận tình cảm vợ chồng giữa chị và anh A không còn và đề nghị xin được ly hôn, do

công việc bận mãi chị không đến Tòa án Quỳnh Phụ tham gia tố tụng được, chị đề nghị xin được xử án vắng mặt. Đối với anh A quá trình tố tụng và tại phiên tòa, anh A giữ nguyên quan điểm đề nghị xin được ly hôn. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa anh A và chị V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh A được ly hôn chị V là có căn cứ.

[4] Về con chung: Anh A và chị V không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Anh A và chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Do anh A là người khuyết tật, vì vậy anh A được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh A, chị V có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Anh Lê Văn A được ly hôn chị Vũ Thị V.

2/Về con chung: Anh A và chị V không có con chung.

3/Về tài sản chung: Anh A và chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Lê Văn A. Hoàn trả lại anh A 300.000đồng nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005922 ngày 18/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ.

5/Về quyền kháng cáo: Anh A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, chị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

-VKSND tỉnh Thái Bình.

-TAND tỉnh Thái Bình.

-VKSND huyện Quỳnh Phụ.

-Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ.

-UBND TT A.

-Người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC